

Thực tiễn ở nước ta hiện nay vẫn đang xảy ra tình trạng ngân hàng đi tìm khách hàng, khách hàng lại tìm vốn ngân hàng, khách hàng và dư luận đổ lỗi cho ngân hàng, còn ngân hàng thì trông chờ tháo gỡ cơ chế. Lãi suất cho vay đã giảm xuống thấp nhất trong lịch sử bắt đầu từ khi thực hiện công cuộc đổi mới hơn 10 năm qua cho đến nay. Lãi suất cơ chế do NHNN công bố giảm xuống chỉ còn 0,6%/tháng, lãi suất cho vay khách hàng tốt nhất của các NHTM chỉ còn 0,56 – 0,58%/tháng, nguồn vốn cho vay của các NHTM đã khá dồi dào, nhu cầu vốn của các thành phần kinh tế đang tăng lên. Mặc dù lãi suất cho vay thấp, nhưng cung cầu vốn vẫn chưa gặp nhau, nguyên nhân chính vẫn là do những vướng mắc về cơ chế.

Theo đề nghị của Diễn đàn doanh nghiệp – Nhóm hoạt động ngân hàng ngày 11.9.2001 vừa qua, Ngân hàng nhà nước (NHNN) có buổi làm việc với nhóm này. Qua phân tích của nhóm, thì những vướng mắc đang nổi lên làm hạn chế việc cho vay, tài trợ của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh đối với các dự án đầu tư nước ngoài, công trình liên doanh, các dự án đầu tư trong nước của VN được nêu sau đây:

Thiếu hụt vốn khả dụng bằng đồng VN (VND) cho các chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhưng thị trường liên ngân hàng hoạt động kém hiệu quả. Giới hạn lãi suất cho vay bằng VND không hợp lý. Cần cải tiến hệ thống kiểm soát tỷ giá hối đoái. Xóa bỏ hạn chế về cho vay không có bảo đảm của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Xóa bỏ hạn chế về việc gia hạn và tái tài trợ các khoản vay của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Nới lỏng các hạn chế về sử dụng tiền gửi ngân hạn để cho vay trung và dài hạn. Hợp lý hóa hơn nữa về các báo cáo thống kê. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc 15% đối với tiền gửi bằng USD là quá cao. Đến nay, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài vẫn chưa thực hiện được công cụ Swap để đảm bảo thanh khoản bởi vì thủ tục mỗi lần xét duyệt và chuyển tiền của Ngân hàng trung ương mất ít nhất 4 ngày; trong đó có 2 ngày xét duyệt, 2 ngày chuyển tiền. Mức phí bảo lãnh và phí mở L/C bị khống chế bởi trần tối đa, cần hướng tới tự do hóa mức phí này.

Tuy nhiên cho đến nay đã hơn 1 tháng, song Thống đốc NHNN mới có chỉ đạo đơn giản hóa các thủ tục, rút ngắn thời gian xử lý nghiệp vụ Swap xuống còn 1 ngày. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đang được xem xét điều chỉnh giảm.

Quy hoạch tổng thể đã có,

VỐN CHỜ CƠ CHẾ

TS. NGUYỄN ĐẮC HƯNG



Ảnh Nguyễn Ngọc Đạo

nhưng chưa có quy hoạch chi tiết, cụ thể, nên các ngân hàng không dám đầu tư. Bên cạnh đó, nhiều dự án Bộ kế hoạch đầu tư thông báo thì chỉ có tên dự án, còn dự án cụ thể, hay được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì chưa có, nên ngân hàng không có cơ sở cho vay.

Hợp tác xã là một đối tượng vay mới, đầy tiềm năng của các ngân hàng thương mại. Bởi vì, nhiều hợp tác xã sau khi cũng có và chuyển đổi lại theo Luật HTX, đã hoạt động khá tốt, phát huy được vai trò của mình. Đặc biệt là các HTX có nhu cầu vay vốn để đầu tư xây dựng các công trình ở nông thôn; và làm một số khâu dịch vụ...mà bản thân các hộ gia đình không thể đầu tư được...nhưng vướng mắc lớn nhất khi cho vay đối tượng này, đó là cơ chế bảo đảm tiền vay. Bởi vì vốn cổ phần của HTX thấp, tài sản bảo đảm hầu như không có, còn các thành viên ban quản lý HTX thì không ai dám bỏ tài sản của gia đình mình ra để thế chấp. Một số HTX hoạt động kém hiệu quả, chỉ mang tính hình thức.

Theo quy định của khoản 1, điều 79 Luật các tổ chức tín dụng (TCTD), thì giới hạn tối đa cho vay một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của TCTD, trường hợp đặc biệt Chính phủ cho phép đối với từng dự án cụ thể. Song vốn tự có của các TCTD ở nước ta rất thấp, cao nhất là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN, thì cũng chỉ có 2.200 tỷ đồng, ba NHTM quốc doanh khác bình quân cũng chỉ có 1.100 tỷ đồng, các NHTM cổ phần phổ biến ở mức 100 tỷ đồng, cao nhất là NHTM A Châu cũng chỉ có trên 350 tỷ đồng. Do đó các dự án lớn của Tổng công ty điện lực VN; của các ngành: bưu chính viễn thông, hàng không, xi măng, hàng hải, dầu khí, giao thông...lên tới vài chục triệu USD, vài trăm tỷ, tới vài nghìn tỷ đồng, một ngân hàng không đáp ứng được. Mời các NHTM khác cùng tham gia cho vay hợp vốn hay đồng tài trợ thì giữa các NHTM không phải lúc nào cũng sẵn sàng hợp tác với nhau, khó dàn xếp và khó thống nhất, thời gian kéo dài; trình xin ý kiến của Chính phủ cũng phải qua rất nhiều thủ tục và tốn nhiều thời gian...nên hay lỡ cơ hội kinh doanh.

Về đối tượng cho vay, Luật các TCTD không quy định cụ thể về đối tượng cho vay. NHNN đã ban hành quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng, trong đó lại quy định hạn chế cho vay đối với một số nhu cầu tài chính do có tỷ lệ rủi ro cao, khó khăn trong việc kiểm tra, giám sát vốn vay; như cho vay nộp thuế, cho vay góp vốn liên doanh, mua cổ phần, trả nợ trước hạn nước ngoài...các NHTM thường phải trình

xin ý kiến NHNN, phải giải trình từng trường hợp cụ thể, tốn kém thời gian không phải ít.

Ngân hàng thương mại cũng là một loại hình doanh nghiệp, hàng hóa của họ là tiền, vốn huy động trong dân cư. Do đó các ngân hàng cũng luôn phải tìm cách cho vay ra, đảm bảo thu hồi được vốn đúng hạn và bù đắp được chi phí hợp lý, có thu nhập. Nếu không cho vay ra được, để đọng vốn, trong khi vẫn phải trả lãi cho người gửi tiền thì sẽ dẫn đến thua lỗ, đóng cửa ngân hàng. Bởi vậy các ngân hàng cũng cạnh tranh với nhau, chủ động tìm khách hàng để cho vay, tiết kiệm chi phí. Song tình trạng hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự trong quan hệ vay vốn giữa ngân hàng và khách hàng thời gian qua, tác động rất lớn đến cán bộ ngân hàng, hạn chế phần nào việc mở rộng tín dụng, nhất là đối với kinh tế tư nhân, mặc dù có thể họ có dự án đầu tư tốt. Nhưng kinh doanh thương trường, nếu như rủi ro bất khả kháng đến với người vay, như giá cả giảm thấp, thị trường bị đảo lộn, bị bạn hàng lừa đảo, bị thiên tai...vốn không thu hồi được đúng hạn, hoặc không thu hồi được vốn vay, cơ quan chức năng thường quy trách nhiệm cho cán bộ ngân hàng.

Tại Nghị quyết số 11/2000/NQ-CP ngày 31.7.2000 của Chính phủ qui định giảm từ 50% (quy định tại ND 178) đến mức tối thiểu 30% tỷ lệ vốn tự có và giá trị tài sản bảo đảm tiền vay bằng cầm cố thế chấp so với vốn đầu tư của dự án trong trường hợp áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay vẫn còn cao. Do đó nhiều doanh nghiệp vốn tự có ít, (phần lớn các doanh nghiệp ở nước ta vốn tự có rất thấp) không đáp ứng được điều kiện này, bởi phần lớn các doanh nghiệp vay ngân hàng tới 80%.

Thủ tục rườm rà cũng là lực cản cho các hộ nông dân tiếp cận vay các nguồn vốn tín dụng chính thức của ngân hàng. Theo thống kê, một bộ hồ sơ vay vốn cần có tới 8 loại giấy tờ khác nhau, trong đó 3 loại do người vay lập, 5 loại do cán bộ ngân hàng thực hiện; với gần 10 con dấu, rõ ràng là không phù hợp với trình độ dân trí của người nông dân, làm tăng tình trạng quá tải cho cán bộ ngân hàng.

Theo quy định hiện hành, hộ nông dân sản xuất thông thường được vay tới 10 triệu đồng, hộ sản xuất hàng hóa làm kinh tế trang trại được vay tới 20 triệu đồng không phải thế chấp, cầm cố tài sản. Mức này chỉ phù hợp với các hộ trồng trọt, chăn nuôi; nhưng còn thấp đối với nhu cầu vay vốn của các hộ nuôi trồng thủy sản ven biển, do nhu cầu vốn đầu tư tài sản cố định, tài sản lưu động cho

nuôi trồng của mỗi hộ rất cao, lên tới hàng trăm triệu đồng. Hơn nữa, bản thân các hộ làm kinh tế trang trại nhưng không có cơ quan nào xác nhận cho họ đủ quy mô kinh tế trang trại, nên cũng khó vay được mức 20 triệu đồng.

Hiện nay tình trạng phổ biến trong toàn quốc là tỷ lệ số hộ nông dân được cấp sổ đỏ, hay giấy chứng nhận sử dụng ruộng đất lâu dài đạt tỷ lệ thấp, nhiều nơi chưa được cấp, hay tỷ lệ được cấp mới đạt khoảng 15-20%. Do đó, các hộ vay trên 10 triệu đồng mà chưa phải làm kinh tế trang trại thì khó mà vay được vốn ngân hàng vì không có tài sản thế chấp, hay không có bảo đảm tiền vay. Đối tượng hộ vay này hiện đang chiếm tỷ lệ rất đáng kể.

Về việc định giá trị quyền sử dụng đất làm bảo đảm tiền vay để xem xét mức cho vay. Theo quy định của Luật sửa đổi đất đai năm 1999, Nghị định số 17 và Nghị định số 178 của Chính phủ, thì căn cứ giá đất do UBND tỉnh, thành phố quy định (giá nhà nước) để tính giá trị tài sản thế chấp. Nhưng mức giá này rất thấp so với giá thị trường. Các trường hợp thuê đất, đã nộp tiền sử dụng đất dưới 5 năm (phổ biến hiện nay), đất giao không thu tiền sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, làm muối, nuôi trồng thủy sản không được tính giá trị quyền sử dụng đất...đã hạn chế rất nhiều khả năng vay vốn ngân hàng.

Về thực hiện Nghị định 178, điều 39 Nghị định này qui định, Bộ công an, Bộ giao thông vận tải, Bộ thủy sản ban hành văn bản hướng dẫn sử dụng bản sao giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông vận tải, tàu thuyền đánh bắt thủy sản để lưu hành phương tiện khi cầm cố, thế chấp vay vốn tại các TCTD. NHNN đã có nhiều văn bản đề nghị, nhưng đến nay các bộ nói trên chưa ban hành thông tư hướng dẫn, cấp dưới họ không thực hiện, nên khách hàng rất khó vay được vốn ngân hàng. Thực tế các hộ dân mua sắm phương tiện vận tải, như: ô tô, phương tiện vận chuyển cơ giới loại nhỏ, tàu, thuyền...đang tăng lên nên hoặc là họ tìm đến các nguồn vốn vay khác, có thể là trong tư nhân với lãi suất cao, hoặc là không mua sắm được phương tiện.

Kích cầu nền kinh tế rõ ràng nếu chỉ trông chờ vào giảm lãi suất là không đủ, mà còn phải đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực ngân hàng và các lĩnh vực khác có liên quan, cần giảm sự can thiệp của ngân hàng trung ương vào công việc kinh doanh của các tổ chức tín dụng, dừng để tình trạng vốn chờ cơ chế ■